SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH KHÁNH HÒA
TRUNG TÂM GDTX VÀ HN NHA TRANG

Số: /TKB-GDTX-HNNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, Ngày 28 tháng 5 năm 2021

THỜI KHÓA BIỂU

Học kỳ 2 - Năm học 2020-2021

(Điều chỉnh và áp dụng kể từ ngày 31/5/2021)

Ngành: Kỹ thuật Chế biến món ăn

Khóa: 13(2020 - 2022)

TT	Mã Lớp MH/MĐ	Tên Môn học / Mô đun	Số TC	Số tiết/ Giờ học	Loại Giờ học	Thứ	Tiết/Buổi học			Nhóm	Phòng	Giảng Viên	Tuần học
							Sáng	Chiều	Tối				
1	202THPT0501	Toán 2	0	80	LT	Hai		8 - 9			P309	Lê Thị Lan Hương	27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 40, 44
2	202THPT0501	Toán 2	0	80	LT	Hai		10 - 10			P308	Lê Thị Lan Hương	44
3	202THPT0501	Toán 2	0	80	LT	Ba		9 - 10			P309	Lê Thị Lan Hương	42, 43, 44
4	202THPT0501	Toán 2	0	80	LT	Tư		6 - 8			P309	Lê Thị Lan Hương	27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 35, 36, 37, 40, 41, 42, 43, 44
5	202THPT0501	Toán 2	0	80	LT	Năm		6 - 7			P309	Lê Thị Lan Hương	43
6	202THPT1501	Ngữ văn 2	0	80	LT	Hai		6 - 7			P308	Mạnh Thị Thu Thủy	44
7	202THPT1501	Ngữ văn 2	0	80	LT	Ba		6 - 8			P308	Mạnh Thị Thu Thủy	27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 40, 42, 43, 44
8	202THPT1501	Ngữ văn 2	0	80	LT	Tư		9 - 10			P308	Mạnh Thị Thu Thủy	27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 35, 36, 37, 40, 41, 42, 43, 44
9	202THPT1501	Ngữ văn 2	0	80	LT	Sáu		6 - 8			P308	Mạnh Thị Thu Thủy	43
10	202THPT2501	Vật lý 2	0	30	LT	Năm		6 - 7			P308	Huỳnh Ngọc Anh Trí	36
11	202THPT2501	Vật lý 2	0	30	LT	Bảy		6 - 7			P307	Huỳnh Ngọc Anh Trí	27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 36, 37, 40, 41, 42, 43
12	202THPT3501	Hóa học 2	0	30	LT	Hai		8 - 9			P309	Đinh Thị Minh Ngọc	41, 42, 43
13	202THPT3501	Hóa học 2	0	30	LT	Ba		9 - 10			P309	Đinh Thị Minh Ngọc	27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 40

TT	Mã Lớp MH/MĐ	Tên Môn học / Mô đun	Số TC	Số tiết/ Giờ học	Loại Giờ học	Thứ	Tiết/Buổi học			Nhóm	Phòng	Giảng Viên	Tuần học
							Sáng	Chiều	Tối				
14	202THPT4501	Lịch sử 2	0	34	LT	Năm		8 - 9			P307	Lương Thị Huệ	42
15	202THPT4501	Lịch sử 2	0	34	LT	Năm		8 - 9			P308	Lương Thị Huệ	34
16	202THPT4501	Lịch sử 2	0	34	LT	Năm		8 - 9			P309	Lương Thị Huệ	36
17	202THPT4501	Lịch sử 2	0	34	LT	Sáu		9 - 10			P308	Lương Thị Huệ	43
18	202THPT4501	Lịch sử 2	0	34	LT	Bảy		8 - 9			P308	Lương Thị Huệ	27, 28, 29, 30, 31, 32, 34, 36, 37, 40, 41, 42, 43
19	202THPT5501	Địa lý 2	0	34	LT	Hai		6 - 7			P308	Cao Thị Hồng Thảo	27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 37, 40, 41, 42, 43
20	202THPT5501	Địa lý 2	0	34	LT	Năm		6 - 7			P308	Cao Thị Hồng Thảo	42
21	202THPT5501	Địa lý 2	0	34	LT	Năm		8 - 9			P309	Cao Thị Hồng Thảo	43
22	202THPT5501	Địa lý 2	0	34	LT	Bảy	2 - 3				P307	Cao Thị Hồng Thảo	36

Nơi nhận:
- Trường CĐ DL Nha Trang;
- Các Đơn vị;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH KHÁNH HÒA
TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN VÀ HƯỚNG NGHIỆP NHA TRANG

Nguyễn Hữu Phước

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH KHÁNH HÒA
TRUNG TÂM GDTX VÀ HN NHA TRANG

Số: /TKB-GDTX-HNNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, Ngày tháng năm 2021

THỜI KHÓA BIỂU

Học kỳ 2 - Năm học 2020-2021

(Điều chỉnh và áp dụng kể từ ngày 31/5/2021)

Ngành: Quản trị Khách sạn — Khóa: 13(2020 - 2022)

TT	Mã Lớp MH/MĐ	Tên Môn học / Mô đun	Số TC	Số tiết/ Giờ học	Loại Giờ học	Thứ	Tiết/Buổi học			Nhóm	Phòng	Giảng Viên	Tuần học
							Sáng	Chiều	Tối				
1	202THPT0502	Toán 2	0	80	LT	Hai		6 - 7			P309	Lê Thị Lan Hương	44
2	202THPT0502	Toán 2	0	80	LT	Ba		6 - 6			P309	Lê Thị Lan Hương	43
3	202THPT0502	Toán 2	0	80	LT	Ba		6 - 8			P309	Lê Thị Lan Hương	27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 40, 41, 42
4	202THPT0502	Toán 2	0	80	LT	Ba		7 - 8			P309	Lê Thị Lan Hương	43
5	202THPT0502	Toán 2	0	80	LT	Tư		9 - 10			P309	Lê Thị Lan Hương	27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 35, 36, 37, 40, 41, 42, 43
6	202THPT0502	Toán 2	0	80	LT	Năm		6 - 7			P308	Lê Thị Lan Hương	41
7	202THPT0502	Toán 2	0	80	LT	Sáu		6 - 8			P309	Lê Thị Lan Hương	43
8	202THPT1502	Ngữ văn 2	0	80	LT	Ba		9 - 10			P308	Mạnh Thị Thu Thủy	27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 40, 41, 42, 43
9	202THPT1502	Ngữ văn 2	0	80	LT	Tư		6 - 8			P308	Mạnh Thị Thu Thủy	27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 35, 36, 37, 40, 41, 42, 43, 44
10	202THPT1502	Ngữ văn 2	0	80	LT	Năm		8 - 9			P308	Mạnh Thị Thu Thủy	41, 43
11	202THPT1502	Ngữ văn 2	0	80	LT	Sáu		6 - 6			P308	Mạnh Thị Thu Thủy	42
12	202THPT2502	Vật lý 2	0	30	LT	Năm		8 - 9			P308	Huỳnh Ngọc Anh Trí	36
13	202THPT2502	Vật lý 2	0	30	LT	Bảy		8 - 9			P307	Huỳnh Ngọc Anh Trí	27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 36, 37, 40, 41, 42, 43
14	202THPT3502	Hóa học 2	0	30	LT	Hai		6 - 7			P309	Đinh Thị Minh Ngọc	27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 37, 40, 41, 42, 43
15	202THPT3502	Hóa học 2	0	30	LT	Sáu	3 - 4				P307	Đinh Thị Minh Ngọc	36
16	202THPT4502	Lịch sử 2	0	34	LT	Năm		6 - 7			P307	Lương Thị Huệ	42, 43
17	202THPT4502	Lịch sử 2	0	34	LT	Năm		6 - 7			P308	Lương Thị Huệ	34

TT	Mã Lớp MH/MĐ	Tên Môn học / Mô đun	Số TC	Số tiết/ Giờ học	Loại Giờ học	Thứ	Tiết/Buổi học			Nhóm	Phòng	Giảng Viên	Tuần học
							Sáng	Chiều	Tối				
18	202THPT4502	Lịch sử 2	0	34	LT	Năm		6 - 7			P309	Lương Thị Huệ	36
19	202THPT4502	Lịch sử 2	0	34	LT	Bảy		6 - 7			P308	Lương Thị Huệ	27, 28, 29, 30, 31, 32, 34, 36, 37, 40, 41, 42, 43
20	202THPT5502	Địa lý 2	0	34	LT	Hai		8 - 9			P308	Cao Thị Hồng Thảo	27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 37, 40, 41, 42, 43
21	202THPT5502	Địa lý 2	0	34	LT	Năm		8 - 9			P308	Cao Thị Hồng Thảo	42
22	202THPT5502	Địa lý 2	0	34	LT	Sáu		6 - 7			P306	Cao Thị Hồng Thảo	36
23	202THPT5502	Địa lý 2	0	34	LT	Sáu		7 - 8			P308	Cao Thị Hồng Thảo	42

Nơi nhận:
- Trường CĐ DL Nha Trang;
- Các Đơn vị;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH KHÁNH HÒA
TRUNG TÂM GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN VÀ HƯỚNG NGHIỆP NHA TRANG

Nguyễn Hữu Phước